

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Số: 2060/2025/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2023-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.972.722.219.839	1.837.282.771.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.279.355.620	376.864.985.966
1. Tiền	111		3.779.355.620	365.364.985.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.500.000.000	11.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.954.840.442.475	1.457.334.248.135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.910.894.537	28.374.208.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.965.912.880	850.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	497.150.167.627	499.242.995.632
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.458.356.212.506	963.409.788.728
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	490.268.859	490.268.859
1. Hàng tồn kho	141		490.268.859	490.268.859
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.112.152.885	2.593.268.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.150.000	19.675.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.384.705.560	906.296.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.667.297.325	1.667.297.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.775.271.984.212	4.730.602.732.159
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		404.674.200.000	385.680.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	404.674.200.000	385.680.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.144.808.203	3.500.751.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.144.808.203	3.500.751.303
- Nguyên giá	222		6.823.006.016	6.481.427.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.678.197.813)	(2.980.675.713)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		175.100.465	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		175.100.465	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.364.680.402.847	4.339.597.498.436
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	4.364.680.402.847	4.339.597.498.436
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.597.472.697	1.824.482.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.597.472.697	1.824.482.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.747.994.204.051	6.567.885.503.622

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.951.575.700.880	3.973.272.100.508
I. Nợ ngắn hạn	310		457.420.827.584	1.701.288.441.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.369.755.681	173.482.957.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.875.433.358	464.708.675.949
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	245.610.821	239.288.274
4. Phải trả người lao động	314		-	618.721.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	564.005.323
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	395.550.607.323	718.160.298.399
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	34.132.281.037	341.805.406.465
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.247.139.364	1.709.088.269
II. Nợ dài hạn	330		3.494.154.873.296	2.271.983.658.739
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	3.494.154.873.296	2.271.983.658.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.796.418.503.171	2.594.613.403.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	2.796.418.503.171	2.594.613.403.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		773.000.154.590	571.195.054.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		467.790.439.415	407.818.608.772
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		305.209.715.175	163.376.445.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.747.994.204.051	6.567.885.503.622



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.219.187.289	7.857.800.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		10.219.187.289	7.857.800.984
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.366.549.905	5.177.093.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		852.637.384	2.680.707.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	794.245.124.337	430.173.678.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	472.118.161.089	139.267.674.707
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		472.118.161.089	139.267.674.707
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.725.292.552	14.588.315.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		305.254.308.080	278.998.395.670
11. Thu nhập khác	31		-	90.909.091
12. Chi phí khác	32		44.592.905	-
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(44.592.905)	90.909.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		305.209.715.175	279.089.304.761
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		305.209.715.175	279.089.304.761



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	305.209.715.175	279.089.304.761
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	697.522.100	410.790.520
Các khoản dự phòng	03	-	1.693.348.003
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(794.245.124.337)	(430.173.678.843)
Chi phí lãi vay	06	472.118.161.089	139.267.674.707
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.219.725.973)	(9.712.560.852)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(3.562.730.698)	2.301.136.256
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(175.100.465)	3.228.365
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.614.588.651)	(2.886.603.408)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(813.465.274)	3.437.765.205
Tiền lãi vay đã trả	14	(233.734.768.382)	(273.181.536.944)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.043.735.000)	(2.229.202.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(264.164.114.443)	(282.267.773.378)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(341.579.000)	(3.457.132.370)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(274.632.888.201)	(551.100.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	212.383.129.554	85.757.382.408
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.920.487.785)	(770.206.104.692)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	97.565.688.072
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	292.647.701.158	192.869.799.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	201.135.875.726	(948.570.367.197)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	664.124.959.505	3.006.432.304.692
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(481.549.908.634)	(1.127.984.141.378)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(482.132.442.500)	(308.567.624.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(299.557.391.629)	1.569.880.539.314
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(362.585.630.346)	339.042.398.739
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	376.864.985.966	37.822.587.227
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	14.279.355.620	376.864.985.966



[Signature]

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

[Signature]

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 51,83% và sở hữu gián tiếp 3,01% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (một công ty do CII sở hữu 100%).

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 35 và 28 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Tên công ty	31/12/2024				01/01/2024				Hoạt động chính
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)		
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	89%	89%	89%	0%	89%	0%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	51%	51%	0%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	100%	100%	0%	100%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	50,36%	50,71%	50,71%	0%	50,71%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	51%	51%	0%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	0%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%	0%	66,67%	0%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Ngày 25 tháng 10 năm 2024 Hội đồng Quản trị Công ty CII đã ban hành Nghị Quyết về chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư giữa Công ty CII và nhóm các công ty con trong Tập đoàn, việc tái cấu trúc danh mục đầu tư dẫn đến một số thay đổi trong năm liên quan đến Công ty như sau:

- Từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng 5,8 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 3,01%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"), một công ty con do CII sở hữu 100% vốn. Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 51,83% và nắm giữ gián tiếp 3,01% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.
- Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng khoản hợp tác đầu tư vào 40% vốn của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo thỏa thuận đã ký giữa Công ty và Công ty CII cho Công ty CII Invest.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.779.355.620	365.364.985.966
Các khoản tương đương tiền	10.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	14.279.355.620	376.864.985.966

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	8.614.010.632	5.077.324.945
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	3.744.703.767	3.744.703.767
Các khách hàng khác	2.482.780.198	2.482.780.198
Cộng	9.768.622.966	9.768.622.966
	31.910.894.537	28.374.208.850

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - Công ty Cổ phần	574.383.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Trả trước cho bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	540.430.980	-
Các nhà cung cấp khác	1.098.900	-
Cộng	1.965.912.880	850.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	497.150.167.627	499.242.995.632
b. Dài hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	403.480.000.000	385.680.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	-
	404.674.200.000	385.680.000.000
Tổng cộng phải thu về cho vay	901.824.367.627	884.922.995.632

Số dư cuối kỳ của các khoản cho vay với bên liên quan bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty CII theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 497.150.167.627 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 600 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 06 tháng 11 năm 2030. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong năm là 10,5%/năm. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 403.480.000.000 đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ phần Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.370.239.808.603	788.195.192.955
Tạm góp vốn bổ sung vào dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Đặt cọc mua cổ phần (i)	27.726.287.785	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay hỗ trợ vốn	3.050.496.907	9.446.139.600
Các khoản phải thu khác	10.063.819.211	11.014.656.173
Cộng	1.458.356.212.506	963.409.788.728
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	1.420.484.955.167	952.375.603.788

- (i) Số dư cuối năm thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	-	(22.804.269.724)	22.804.269.724
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	-	(850.000.000)	850.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	-	(10.888.475.351)	10.888.475.351
Cộng	34.542.745.075	-	(34.542.745.075)	34.542.745.075

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	(34.542.745.075)	(32.938.403.577)
Trích lập dự phòng trong năm	-	(1.693.348.003)
Xóa nợ trong năm	-	89.006.505
Số dư cuối năm	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu đỡ dang	490.268.859	-	490.268.859	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc,	Phương tiện vận	Thiết bị,	Tài sản cố định	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	tài, truyền dẫn	dụng cụ quản lý	hữu hình khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	104.126.400	689.488.888	6.481.427.016
Mua trong năm	-	-	-	341.579.000	-	341.579.000
Tại ngày 31/12/2024	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	445.705.400	689.488.888	6.823.006.016
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	811.943.184	38.364.165	2.032.465.291	69.174.368	28.728.705	2.980.675.713
Khấu hao trong năm	7.137.984	65.767.140	419.829.648	89.872.508	114.914.820	697.522.100
Tại ngày 31/12/2024	819.081.168	104.131.305	2.452.294.939	159.046.876	143.643.525	3.678.197.813
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	42.816.472	422.005.835	2.340.216.781	34.952.032	660.760.183	3.500.751.303
Tại ngày 31/12/2024	35.678.488	356.238.695	1.920.387.133	286.658.524	545.845.363	3.144.808.203

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 1.757.834.954 đồng và 1.726.044.954 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2024				01/01/2024			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	147.940.699	1.889.009.917.776	-	-	137.312.319	1.863.927.013.365	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	-	94.350.000	943.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	-		607.325.833.333	-	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	-	28.700.000	335.996.028.454	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	-		242.278.623.284	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	-	21.998.000	219.980.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000	-	-		106.590.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	2.000.000	20.000.000.000	-	-	2.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng		4.364.680.402.847				4.339.597.498.436		

Trong năm, Công ty ghi nhận tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("TLMT") với số tiền là 106.283.800.000 đồng. Việc tăng vốn điều lệ này không làm thay đổi tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ nắm giữ biểu quyết của Công ty trong công ty con. Bên cạnh đó, đối với khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TLMT trong năm, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính từ lợi nhuận được chia của giai đoạn trước khi TLMT trở thành công ty con theo tỷ lệ lợi ích 50% và lợi nhuận được chia của giai đoạn sau khi TLMT trở thành công ty con theo tỷ lệ lợi ích 89%. Phần lợi nhuận được chia còn lại của giai đoạn trước khi đạt quyền kiểm soát được ghi nhận giảm vào giá gốc của khoản đầu tư vào công ty con với giá trị là 81.200.895.589 đồng. Như vậy, kết quả của các giao dịch trên đã làm giá gốc khoản đầu tư vào công ty TLMT tăng thêm 25.082.904.411 đồng so với đầu kỳ.

Giá trị hợp lý của các công ty con không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.567.314.973	1.703.851.512
Thiết bị, dụng cụ quản lý xuất dùng	30.157.724	120.630.908
Cộng	2.597.472.697	1.824.482.420

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>		
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	850.000.000	159.623.301.802
Phải trả các bên khác	20.519.755.681	13.859.655.860
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	12.082.849.908	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ Thiên Ân	2.520.570.858	-
Các nhà cung cấp khác	2.916.334.915	2.136.146.416
Cộng	21.369.755.681	173.482.957.662

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	476.098.580	463.309.341.171
Các khách hàng khác	1.399.334.778	1.399.334.778
Cộng	1.875.433.358	464.708.675.949

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	2.549.335.297	2.549.335.297	-
Thuế thu nhập cá nhân	239.288.274	1.613.404.099	1.607.081.552	245.610.821
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	239.288.274	4.166.739.396	4.160.416.849	245.610.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. Phải trả khác**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Nhận hoàn vốn đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	110.059.509.355	109.549.509.355
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	50.394.639.319	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	348.991.439
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.157.621.128	2.565.620.605
Cổ tức phải trả	4.470.000	385.709.530.000
Các khoản phải trả khác	5.666.000	6.647.000
	395.550.607.323	718.160.298.399
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	3.486.854.873.296	2.264.683.658.739
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	3.494.154.873.296	2.271.983.658.739
Cộng	3.889.705.480.619	2.990.143.957.138

(i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của các công ty con bao gồm Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu và Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên với giá trị lần lượt là 109.549.509.355 đồng và 510.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(iii) Số dư cuối năm thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 965.000.000.000 đồng;
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 902.980.382.919 đồng;
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 878.652.639.319 đồng;
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 790.616.490.377 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuế tài chính**

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay ngắn hạn						
Công ty CII – Công ty mẹ	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i>)	-	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319
Cộng	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	341.805.406.465	341.805.406.465
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319	323.682.300.319
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-	-	-	(323.682.300.319)	(323.682.300.319)
Cộng	-	-	-	323.682.300.319	-	-
Tổng cộng các khoản vay	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	378.298.084.933	341.805.406.465	341.805.406.465

Chi tiết các khoản hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ cuối kỳ bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 23/2020/HĐHT-CII ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích hợp tác kinh doanh, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 17.029.724.582 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025, tài sản đảm bảo là cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 6.302.556.455 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 15/2020/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, lãi suất áp dụng trong năm là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.800.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	990.395.402.824	3.013.813.751.405
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	279.089.304.761	279.089.304.761
Chia cổ tức	-	-	-	(694.277.154.000)	(694.277.154.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.674.999.368)	(2.674.999.368)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.337.499.684)	(1.337.499.684)
Tại ngày 01/01/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	305.209.715.175	305.209.715.175
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(96.427.382.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)
Tại ngày 31/12/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 6% trong năm 2023. Phần cổ tức còn lại tương ứng với tỷ lệ 5% đã được thanh toán cho cổ đông bằng tiền trong năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.108.686.859	7.901.506.443
Doanh thu hoạt động thi công, lắp đặt	3.110.500.430	(43.705.459)
Cộng	10.219.187.289	7.857.800.984
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.1</i>)	10.219.187.289	7.345.352.227

2. Giá vốn hàng bán

	2024	2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.256.049.475	5.177.093.950
Giá vốn hoạt động thi công, lắp đặt	3.110.500.430	-
Cộng	9.366.549.905	5.177.093.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	702.534.291.371	349.342.453.247
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.710.832.966	80.831.225.596
Cộng	794.245.124.337	430.173.678.843
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	793.393.536.119	408.312.772.015

4. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư (i)	472.118.161.089	139.267.674.707
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	471.836.158.427	78.773.395.893

(i) Trong năm, Công ty ghi nhận khoản chi phí lãi phải trả cho Công ty CII và Công ty CII Invest phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% (xem Thuyết minh VI.14).

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.453.618.439	3.963.652.545
Chi phí đồ dùng văn phòng	514.805.098	555.410.523
Chi phí khấu hao	442.841.157	159.495.872
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	1.693.348.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.368.263.277	2.566.793.523
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.945.764.581	5.649.615.034
Cộng	17.725.292.552	14.588.315.500
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	619.656.000	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	305.209.715.175	279.089.304.761
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	174.632.599.797	63.904.967
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(702.534.291.371)	(349.342.453.247)
Lỗ tính thuế	(222.691.976.399)	(70.189.243.519)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty con
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII (trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII (trước đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	4.757.626.975	1.398.286.511
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.842.282.694	1.724.726.521
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	363.816.890	304.027.840
Cộng	8.614.010.632	5.077.324.945
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	540.430.980	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính** (tiếp theo)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	497.150.167.627	499.242.995.632
Công ty CII	497.150.167.627	499.242.995.632
Phải thu về cho vay dài hạn	403.480.000.000	385.680.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	403.480.000.000	378.980.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	6.700.000.000
Cộng	900.630.167.627	884.922.995.632
Phải thu ngắn hạn khác		
Cổ tức và lợi nhuận phải thu	1.370.239.808.603	788.195.192.955
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	486.437.241.778	401.303.533.507
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	397.115.611.714	255.727.035.906
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	267.479.924.642	-
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	209.268.241.076	131.164.623.542
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	9.938.789.393	-
Lãi phải thu	2.969.346.564	9.426.610.833
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	2.969.346.564	9.426.610.833
Phải thu khác	47.275.800.000	154.753.800.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.420.484.955.167	952.375.603.788
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	850.000.000	850.000.000
Công ty CII	-	158.773.301.802
Cộng	850.000.000	159.623.301.802
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	476.098.580	458.961.171
Công ty CII	-	462.850.380.000
Cộng	476.098.580	463.309.341.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính** (tiếp theo)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.537.249.512.615	2.264.683.658.739
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	965.000.000.000	615.000.547.946
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	902.980.382.919	756.878.767.123
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	878.652.639.319	892.804.343.670
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	790.616.490.377	-
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư	219.980.000.000	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	219.980.000.000	219.980.000.000
Lợi nhuận nhận trước	110.059.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	510.000.000	-
Cổ tức phải trả	-	211.511.684.000
Công ty CII	-	211.511.684.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	348.991.439
Công ty CII	12.948.701.521	348.991.439
Cộng	<u>3.880.237.723.491</u>	<u>2.806.073.843.533</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
Công ty CII		
Chi trả cổ tức trong năm	264.389.605.000	169.146.947.200
Cổ tức đã chia	52.877.921.000	379.371.135.200
Nhận tiền hỗ trợ vốn	32.156.164.384	106.000.000.000
Thanh toán nợ gốc hỗ trợ vốn	40.968.381.564	1.058.879.141.378
Chi phí hợp tác đầu tư	187.288.864.241	30.914.019.455
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	200.132.888.201	416.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	155.683.129.554	56.757.382.408
Lãi cho vay	50.632.167.774	23.636.802.475
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Lợi nhuận được chia	170.388.575.808	102.308.465.889
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	56.500.000.000	122.100.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	32.000.000.000	-
Lãi phát sinh trong kỳ	38.749.719.166	34.275.469.720
Nhận tiền lãi hỗ trợ vốn	45.206.983.435	37.466.007.500
Cung cấp dịch vụ	2.541.064.125	897.021.047
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Cổ tức được chia	154.307.085.611	160.851.915.670
Cung cấp dịch vụ	4.310.500.430	1.179.679.656
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Lợi nhuận được chia	576.759.708	-
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	-	24.835.000.000
Thu tiền phụ cấp hội đồng thành viên	-	600.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	136.363.636
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Cung cấp dịch vụ	763.636.366	709.090.911
Thu tiền phụ cấp thành viên góp vốn	-	1.530.000.000
Hoàn trả tiền phụ cấp thành viên góp vốn	-	1.530.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận trước tiền hoàn vốn góp	-	97.565.688.072
Cung cấp dịch vụ	-	2.065.826.437
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Cổ tức được chia	100.478.617.534	86.182.071.688
Nhận tiền cổ tức	22.375.000.000	63.441.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	25.000.000.000	4.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	31.700.000.000	2.000.000.000
Lãi phát sinh trong kỳ	1.430.508.493	223.808.217
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	1.430.508.493	223.808.217
Cung cấp dịch vụ	2.513.986.368	2.357.370.540
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII		
Cổ tức được chia	14.938.814.393	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
Lãi phát sinh trong kỳ	46.849.315	-
Mua dịch vụ	548.340.000	-
Chuyển tiền góp vốn	-	20.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	892.510.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	4.107.206.620	-
Chi phí hợp tác đầu tư	88.152.188.937	39.980.061.369
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	207.500.000.000	750.000.000.000
Chi phí hợp tác đầu tư	80.191.546.516	6.878.767.123
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	43.644.617.081	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	386.000.000.000	614.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	28.000.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	104.008.748.628	1.000.547.946
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII		
Mua dịch vụ	-	780.217.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Cung cấp dịch vụ	90.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	27.500.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	12.194.810.105	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Cổ tức được chia	343.045.333.906	-
Nhận tiền cổ tức	75.565.409.264	-
Thu hồi tiền đặt cọc mua cổ phần	1.194.200.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm**

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	200.745.000	-
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	69.772.000	200.625.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	216.414.000	160.500.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	134.128.333	-
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	46.216.667	133.750.000
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	54.100.000	40.125.000
Cộng		1.442.756.000	1.070.000.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	106.765.667	-
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	37.510.333	107.000.000
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Cộng		360.690.000	267.500.000
Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm			
Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	2.078.201.048	1.708.279.175
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	1.166.524.995	926.695.057
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	-	203.153.187
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	765.684.192	631.610.118
Cộng		4.010.410.235	3.469.737.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	2024 VND	2023 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	28.920.487.785	770.206.104.692
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	664.124.959.505	3.006.432.304.692
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	323.682.300.319	69.105.000.000
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	157.992.762.376	1.058.879.141.378
Các giao dịch không ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Khoản đã chi đầu tư góp vốn vào công ty con trong các kỳ trước (i)	106.283.800.000	-

(i) Tiền chi đầu tư vào công ty con trong năm không bao gồm số tiền 106 tỷ dùng để chi đầu tư vào công ty con nhưng đã được thanh toán trong kỳ trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh vào khoản mục tăng, giảm các khoản phải thu (mã số 09) thay vì được trình bày vào dòng tiền Chi góp vốn vào đơn vị khác (mã số 25) trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng.

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025